TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Châu Hùng;

- Bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Quách Ngọc A, sinh năm 1992; nơi cư trú: số 252/147 T, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1992; nơi cư trú: số 147 H, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Quách Ngọc A trình bày:

Bà và ông H tự tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 09/10/2018.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 01/2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vả, đến tháng 01/2022 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, nên bà Ngọc A yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Minh B, sinh ngày 16/9/2019. Bà Ngọc A yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H nhưng ông H không có ý kiến trình bày và đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông H không đến Tòa án để làm việc nên không tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Riêng, bị đơn không tham gia suốt quá trình xem như tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định tại các Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ xét từ đầu năm 2022 đến nay thể hiện bà Ngọc A, ông H không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, bà Ngọc A yêu cầu được ly hôn với ông H. Quá trình thụ lý giải quyết ông H không tham gia hòa giải, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó, việc bà Ngọc A yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Ngọc A, giao con chung cho bà Ngọc A chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà Ngọc A không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dạy con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngọc A đối với ông H; bà Ngọc A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Nguyên đơn bà Huỳnh Quách Ngọc A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông H cư trú tại phường C, thành phố C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Bà Ngọc A, ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ngọc A và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Ngọc A xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 01/2022 đến nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, bà Ngọc A và ông H có chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, vợ chồng có một đứa con chung, nhưng đến đầu năm 2022 thì vợ chồng không còn sống chung. Mặt khác, ông H biết được việc bà Ngọc A xin ly hôn tại Toà án C nhưng ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ kiện trên.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà Ngọc A và ông H thường xuyên cãi vả và không còn sống chung từ tháng 01/2022 đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H nhưng ông H

không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà Ngọc A. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Ngọc A, ông H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngọc A đối với ông H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Ngọc A xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Minh B, sinh ngày 16/9/2019. Hiện con chung đang sống với bà Ngọc A và bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung đang được bà Ngọc A chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, do đó Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho bà Ngọc A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Ngọc A không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngọc A xác định không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Quách Ngọc A.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Quách Ngọc A được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 139, ngày 09/10/2018 do Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang cấp cho bà Huỳnh Quách Ngọc A và ông Nguyễn Minh H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Quách Ngọc A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh Minh B, sinh ngày 16/9/2019. Ông Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Huỳnh Quách Ngọc A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Minh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Quách Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002809, ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C; bà Huỳnh Quách Ngọc A đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Minh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của bà Huỳnh Quách Ngọc A và ông Nguyễn Minh H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.C (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Phượng